HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 25 /2024/NQ-HĐND	*Quảng Ngãi, ngày 23 tháng 7 năm 2024*

NGHỊ QUYẾT
Quy định mức thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên lập thành tích tại các giải thi đấu thể thao quốc tế, quốc gia và giải thi đấu thể thao cấp tỉnh

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI
KHÓA XIII KỲ HỌP THỨ 25

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Thể dục, thể thao ngày 29 tháng 11 năm 2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 152/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ Quy định một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu;

Căn cứ Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao;

Xét Tờ trình số 115/TTr-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên lập thành tích tại các giải thi đấu thể thao quốc gia và giải thi đấu thể thao cấp tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Nghị quyết này quy định mức thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên của tỉnh Quảng Ngãi lập thành tích tại các giải thi đấu thể thao quốc tế, quốc gia và giải thi đấu thể thao cấp tỉnh.

2. Đối tượng áp dụng

a) Huấn luyện viên, vận động viên được cơ quan có thẩm quyền của tỉnh cử tham gia thi đấu lập thành tích tại các giải thể thao quốc tế.

b) Huấn luyện viên, vận động viên được cơ quan có thẩm quyền của tỉnh quyết định cử tham gia thi đấu lập thành tích tại các giải thể thao quốc gia.

c) Huấn luyện viên, vận động viên được cơ quan có thẩm quyền của địa phương, đơn vị quyết định cử tham gia thi đấu lập thành tích tại giải thể thao cấp tỉnh.

d) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện mức thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên lập thành tích tại các giải thi đấu thể thao quốc tế, quốc gia và giải thi đấu thể thao cấp tỉnh.

Điều 2. Mức thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên của tỉnh tham gia thi đấu lập thành tích tại các đại hội, giải thi đấu thể thao quốc tế

Huấn luyện viên, vận động viên của tỉnh tham gia thi đấu lập thành tích tại các đại hội, giải thi đấu thể thao quốc tế thì được thưởng thêm bằng 40% mức thưởng theo quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 Điều 8 Nghị định số 152/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ Quy định một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu.

Điều 3. Mức thưởng đối với vận động viên lập thành tích tại các giải thi đấu thể thao quốc gia

1. Vận động viên lập thành tích tại các môn thi đấu đơn, đôi, đồng đội, toàn đoàn từng môn và tập thể của các giải thi đấu thể thao quốc gia, mức thưởng cho mỗi giải cụ thể:

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung môn thi đấu	Mức thưởng			
		Huy chương Vàng (Giải Nhất)	Huy chương Bạc (Giải Nhì)	Huy chương Đồng (Giải Ba)	Phá kỷ lục được thưởng thêm
1	Đơn	15.000.000	9.000.000	6.000.000	6.000.000
2	Đôi	22.000.000	16.000.000	10.000.000	
3	Đồng đội	27.000.000	21.000.000	16.000.000	16.000.000
4	Toàn đoàn từng môn	30.000.000	23.000.000	17.000.000	
5	Tập thể (từ 04 đến 10 vận động viên)	65.000.000	45.000.000	35.000.000	
6	Tập thể (từ 11 vận động viên trở lên)	170.000.000	150.000.000	80.000.000	

2. Vận động viên lập thành tích tại các môn thi đấu của các giải thi đấu vô địch trẻ quốc gia hàng năm: Mức thưởng bằng 50% mức thưởng tương ứng quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Vận động viên lập thành tích tại các môn thi đấu của Hội thi thể thao quần chúng toàn quốc, các giải thi đấu, các trận thi đấu do Liên đoàn thể thao quốc gia tổ chức: Mức thưởng bằng 40% mức thưởng tương ứng quy định tại khoản 1 Điều này.

4. Vận động viên lập thành tích tại các môn thi đấu của Đại hội Thể thao toàn quốc: Mức thưởng bằng 150% mức thưởng tương ứng quy định tại khoản 1 Điều này.

5. Vận động viên lập thành tích tại các môn thi đấu của các giải thi đấu thể thao dành cho người khuyết tật: Mức thưởng bằng 70% mức thưởng tương ứng quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 4. Mức thưởng đối với huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên lập thành tích tại các giải thi đấu thể thao quốc gia

1. Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên lập thành tích tại các môn thi đấu của các giải thi đấu thể thao quốc gia: Mức thưởng bằng mức thưởng đối với vận động viên tương ứng tại khoản 1 Điều 3 Nghị quyết này.

2. Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên lập thành tích tại các môn thi đấu của các giải thi đấu vô địch trẻ quốc gia hàng năm: Mức thưởng bằng 50% mức thưởng tương ứng quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị quyết này.

3. Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên lập thành tích tại các môn thi đấu của Hội thi thể thao quần chúng toàn quốc, các giải thi đấu, các trận thi đấu do Liên đoàn thể thao quốc gia tổ chức: Mức thưởng bằng 40% mức thưởng tương ứng quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị quyết này.

4. Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên lập thành tích tại các môn thi đấu Đại hội Thể thao toàn quốc: Mức thưởng bằng 150% mức thưởng tương ứng quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị quyết này.

5. Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên lập thành tích tại các môn thi đấu của các giải thi đấu thể thao dành cho người khuyết tật: Mức thưởng bằng 70% mức thưởng tương ứng quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị quyết này.

Điều 5. Mức thưởng đối với vận động viên lập thành tích tại các giải thi đấu thể thao cấp tỉnh

1. Vận động viên lập thành tích tại các môn thi đấu đơn, đôi, đồng đội, toàn đoàn từng môn và tập thể của các giải thi đấu thể thao cấp tỉnh, mức thưởng cho mỗi giải cụ thể:

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung môn thi đấu	Mức thưởng				
		Huy chương Vàng (Giải Nhất)	Huy chương Bạc (Giải Nhì)	Huy chương Đồng (Giải Ba)	Giải khuyến khích, phong cách	Phá kỷ lục được thưởng thêm
1	Đơn	1.000.000	700.000	400.000	200.000	400.000

2	Đôi	1.200.000	900.000	600.000		
3	Đồng đội	1.500.000	1.000.000	700.000		700.000
4	Toàn đoàn từng môn	2.000.000	1.500.000	1.000.000		
5	Tập thể (từ 04 đến 10 vận động viên)	8.000.000	5.000.000	2.000.000	1.000.000	
6	Tập thể (từ 11 vận động viên trở lên)	10.000.000	8.000.000	6.000.000	4.000.000	

2. Vận động viên lập thành tích tại các môn thi đấu của các giải thi đấu vô địch trẻ cấp tỉnh hàng năm: Mức thưởng bằng 50% mức thưởng tương ứng quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Vận động viên lập thành tích tại các môn thi đấu của Hội thi thể thao quần chúng cấp tỉnh, các giải thi đấu, các trận thi đấu do Liên đoàn thể thao cấp tỉnh tổ chức: Mức thưởng bằng 40% mức thưởng tương ứng quy định tại khoản 1 Điều này.

4. Vận động viên lập thành tích tại các môn thi đấu của Đại hội Thể thao cấp tỉnh: Mức thưởng bằng 150% mức thưởng tương ứng quy định tại khoản 1 Điều này.

5. Vận động viên lập thành tích tại các môn thi đấu của các giải thi đấu thể thao cấp tỉnh dành cho người khuyết tật: Mức thưởng bằng 70% mức thưởng tương ứng quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 6. Mức thưởng đối với huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên lập thành tích tại các giải thi đấu thể thao cấp tỉnh

1. Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên lập thành tích tại các môn thi đấu của các giải thi đấu thể thao cấp tỉnh: Mức thưởng bằng mức thưởng đối với vận động viên tương ứng tại khoản 1 Điều 5 Nghị quyết này.

2. Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên lập thành tích tại các môn thi đấu của các giải thi đấu vô địch trẻ cấp tỉnh hàng năm: Mức thưởng bằng 50% mức thưởng tương ứng quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị quyết này.

3. Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên lập thành tích các môn thi đấu của Hội thi thể thao quần chúng cấp tỉnh, các giải thi đấu, các trận thi đấu do Liên đoàn thể thao cấp tỉnh tổ chức: Mức thưởng bằng 40% mức thưởng tương ứng quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị quyết này.

4. Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên lập thành tích tại các môn thi đấu của Đại hội Thể thao cấp tỉnh: Mức thưởng bằng 150% mức thưởng tương ứng quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị quyết này.

5. Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên lập thành tích tại các môn thi đấu của các giải thi đấu thể thao cấp tỉnh dành cho người khuyết tật: Mức thưởng bằng 70% mức thưởng tương ứng quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị quyết này.

6. Trường hợp huấn luyện viên có từ 02 vận động viên trở lên lập thành tích tại nội dung môn thi đấu của giải thi đấu thể thao tại khoản 1, 2, 3, 4, 5 Điều này thì mức thưởng bằng mức thưởng cao nhất của 01 vận động viên.

Điều 7. Kinh phí thực hiện

1. Kinh phí chi trả tiền thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên lập thành tích tại các giải thi đấu thể thao quốc tế, quốc gia và giải thi đấu thể thao cấp tỉnh được sử dụng từ nguồn ngân sách tỉnh.

2. Các nguồn tài chính hợp pháp khác.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 9. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi Khóa XIII Kỳ họp thứ 25 thông qua ngày 23 tháng 7 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày 02 tháng 8 năm 2024./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Các Bộ: Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Tài chính;
- Vụ Pháp chế - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TTTU, TTHĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, hội đoàn thể tỉnh;
- Cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Báo Quảng Ngãi, Đài PTTH tỉnh;
- Trung tâm Công báo và Tin học tỉnh;
- VP ĐĐBQH và HĐND tỉnh: C-PCVP, các Phòng, CV;
- Lưu: VT, VHXH. ttkan.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Bùi Thị Quỳnh Vân